

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận

Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

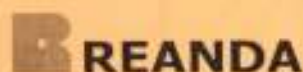


Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THỦ ĐỨC



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(VIETVALUES)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 44
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	45 - 46



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trữ sở hoạt động

• Trữ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (8) 38 966 819
- Fax : + 84 (8) 38 963 210
- Mã số thuế : 0301444626

• Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;
11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Cửa hàng xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-012; hạch toán phụ thuộc;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch	30/03/2013	16/07/2015
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	
Ông Nguyễn Cao Khải	Thành viên	30/03/2013	
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên	30/03/2013	
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2013	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	

4.3 Ban Điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc	01/04/2013	16/07/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Nguyễn Cao Khải	Phó Giám đốc	05/11/2014	
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	03/04/2013	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc	01/04/2013	16/07/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 46.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

TM. Hội đồng quản trị



MA ĐỨC TỬ

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Số: 2037/16/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập ngày 24 tháng 02 năm 2016 (từ trang 08 đến trang 46) của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán, phạm vi của báo cáo tài chính này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức với các công ty con không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Handwritten signature in blue ink.

Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		104.662.599.920	91.439.803.842
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	25.559.407.320	10.186.496.434
111	1. Tiền		25.559.407.320	10.186.496.434
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	22.752.103.215	25.251.260.197
121	1. Chứng khoán kinh doanh		34.761.560.162	35.011.267.792
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.009.456.947)	(9.760.007.595)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.205.603.132	27.443.271.592
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	8.715.177.943	16.890.965.681
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.980.677.213	6.774.242.188
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	501.847.407	3.740.049.922
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		7.900.569	38.013.801
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	44.062.220.972	28.403.891.498
141	1. Hàng tồn kho		44.222.969.184	28.403.891.498
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(160.748.212)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		83.265.281	154.884.121
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	55.200.000	63.137.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28.065.281	91.747.121
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		196.432.109.844	194.252.607.884
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		99.777.229.251	94.286.244.124
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	46.668.877.061	39.899.137.566
222	- Nguyên giá		93.267.629.880	79.207.086.221
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.598.752.819)	(39.307.948.655)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	53.108.352.190	54.387.106.558
228	- Nguyên giá		59.652.437.203	59.652.437.203
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.544.085.013)	(5.265.330.645)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.11	25.442.535.483	26.788.368.735
231	- Nguyên giá		32.608.661.486	32.608.661.486
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.166.126.003)	(5.820.292.751)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.12	11.112.743.483	4.362.375.796
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.112.743.483	4.362.375.796
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	58.476.635.836	68.043.669.347
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.490.722.600	68.490.722.600
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(104.086.764)	(537.053.253)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.622.965.791	771.949.882
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	938.664.766	50.323.337
268	2. Tài sản dài hạn khác	V.8	684.301.025	721.626.545
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		301.094.709.764	285.692.411.726

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

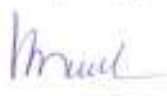
Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		113.998.042.171	106.030.406.564
310	I. Nợ ngắn hạn		93.826.956.183	84.631.784.333
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	45.939.794.386	30.373.550.068
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	2.383.894.373	5.906.816.750
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2.292.759.336	1.597.900.504
314	4. Phải trả người lao động	V.16	14.356.573.714	6.331.469.881
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		582.792.307	28.880.959
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	25.206.264.587	4.823.333.018
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	2.576.911.714	35.137.914.014
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	487.965.766	431.919.139
330	II. Nợ dài hạn		20.171.085.988	21.398.622.231
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20	7.899.736.502	10.627.272.745
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.17b	12.271.349.486	10.771.349.486
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		187.096.667.593	179.662.005.162
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	187.096.667.593	179.662.005.162
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.160.569.429	13.017.867.175
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.477.977.068	15.186.016.891
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.162.377.835	4.198.690.750
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.315.599.233	10.987.326.141
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		301.094.709.764	285.692.411.726

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.



HOÀNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	1.637.737.845.976	1.314.918.284.302
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.637.737.845.976	1.314.918.284.302
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.536.443.189.842	1.261.119.802.043
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		101.294.656.134	53.798.482.259
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	14.543.916.765	15.500.951.275
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.915.144.502	5.852.523.432
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.502.759.862	2.072.169.792
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	55.441.527.586	32.893.616.078
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	25.633.778.082	19.757.312.143
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.848.122.729	10.795.981.881
31	11. Thu nhập khác	VI.7	474.150.351	13.899.992.102
32	12. Chi phí khác	VI.8	467.606.519	2.344.149
40	13. Lợi nhuận khác		6.543.832	13.897.647.953
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.854.666.561	24.693.629.834
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15b	4.294.448.439	3.113.320.475
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.560.218.122	21.580.309.359

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

DVT: VNO

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.854.666.561	24.693.629.834
	2. Điều chỉnh cho các khoản		678.287.102	3.973.861.925
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9.915.391.784	9.209.713.890
03	- Các khoản dự phòng		1.977.231.075	3.361.087.063
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.717.095.619)	(10.669.108.820)
06	- Chi phí lãi vay		1.502.759.862	2.072.169.792
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.532.953.663	28.667.491.759
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		15.351.540.385	(13.252.362.101)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.819.077.686)	29.390.916.534
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		42.925.908.302	(24.900.678.949)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(880.404.429)	115.206.874
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		249.707.630	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.531.640.821)	(2.043.288.833)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.049.173.557)	(2.961.724.528)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.427.941.346	29.890.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.472.756.231)	(3.287.168.404)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		70.734.998.602	11.758.282.352
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.307.040.989)	(4.429.597.645)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		39.454.545	9.871.464.100
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(81.542.760)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		228.071.557	1.080.539.450
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.443.048.360	9.837.919.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.596.466.527)	16.278.782.754
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	449.144.733.505	733.398.772.255
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(481.705.735.805)	(750.877.740.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.204.618.889)	(17.476.072.677)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(49.765.621.189)	(34.955.040.422)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		15.372.910.886	(6.917.975.316)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.186.496.434	17.104.471.750
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.I	25.559.407.320	10.186.496.434

Kế toán trưởng

VIỆN THIỆN KHANH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Sông Đức	139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC ^(*)	231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung	Ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Dũng Văn Bì, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

(*) Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT và Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trạm xăng dầu số 12	44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
2. Trạm xăng dầu số 1	Đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
3. Trạm xăng dầu số 10	10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Trạm xăng dầu số 14	Tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tấn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2	7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
6. Trạm xăng dầu Long Bình	90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
7. Trạm xăng dầu số 6	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
8. Trạm xăng dầu số 3	228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy	719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú	392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
11. Trạm xăng dầu số 1	744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân	507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
13. Trạm xăng dầu số 7	77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ	2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy	701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng thương mại số 2	507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
17. Trạm xăng dầu số 19	54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace	746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
21. Cửa hàng xăng dầu số 4	236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
22. Cửa hàng xăng dầu số 2	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
20. Cửa hàng xăng dầu Long Trường	21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
21. Cửa hàng xăng dầu số 5	163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tên đơn vị	Địa chỉ
22. Cửa hàng xăng dầu số 8	Thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
23. Cửa hàng xăng dầu số 9	85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 267 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 206 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bán giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.729.565.191	214.109.713
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.803.718.129	9.909.602.721
- Tiền đang chuyển	26.124.000	62.784.000
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	25.559.407.320	10.186.496.434

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	74.217.965	90.900.000	-	222.653.894	332.100.000	-
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	1.076.032.115	1.072.500.000	(3.532.115)	1.158.803.816	1.057.000.000	(101.803.816)
- Công ty CP Vật tư xăng dầu	585.538.344	1.139.500.000	-	585.538.344	634.250.000	-
- Công ty CP Thép Pomina	5.191.965.240	1.283.400.000	(3.908.565.240)	5.191.965.240	1.562.400.000	(3.629.565.240)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	1.639.691.867	576.000.000	(1.063.691.867)	1.639.691.867	856.000.000	(783.691.867)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	1.185.000.000	460.000.000	(725.000.000)	1.185.000.000	235.750.000	(949.250.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long	611.346.631	160.000.000	(451.346.631)	611.346.631	600.000.000	(11.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa	997.500.000	370.125.000	(627.375.000)	997.500.000	110.250.000	(887.250.000)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	63.677.000	70.905.200	-	82.177.000	56.413.400	-
- Ngân Hàng TMCP Phương Nam	-	-	-	1.975.220.000	547.268.000	-
- Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.975.220.000	572.011.500	(1.403.208.500)	-	-	-
- Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang ⁽¹⁾	4.905.000.000	4.905.000.000	-	4.905.000.000	4.905.000.000	-
- Công Ty CP Địa Ốc 9 ⁽²⁾	3.990.000.000	3.990.000.000	-	3.990.000.000	3.990.000.000	-
- Công Ty CP Dệt Việt Thắng ⁽¹⁾	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công Ty CP Dệt Đồng Á ⁽¹⁾	897.500.000	897.500.000	-	897.500.000	897.500.000	-
- Công Ty CP XNK Vĩnh Long	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	339.000.000	-
- Công Ty CP Phong Phú ⁽¹⁾	846.000.000	846.000.000	-	846.000.000	846.000.000	-
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	4.186.371.000	698.633.406	(3.487.737.594)	4.186.371.000	789.270.959	(3.397.100.041)
- Tổng Công Ty CP Thép Việt Nam ⁽¹⁾	2.020.000.000	2.020.000.000	-	2.020.000.000	2.148.353.602	-
- Công Ty CP Pvoil Sài Gòn ⁽¹⁾	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	34.761.560.162	23.329.975.106	(12.009.456.947)	35.011.267.792	24.084.055.961	(9.760.007.595)

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi giảm do bán bớt 18.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 148.435.929 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau giảm do bán bớt 5.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 82.771.701 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam giảm do bán bớt 1.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 18.500.000 đồng.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam giảm do chuyển đổi sang cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tăng do chuyển đổi từ cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Nam sang.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.760.007.595)	(6.012.335.656)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.381.263.823)	(4.041.685.041)
Hoàn nhập dự phòng	131.814.471	294.013.102
Số cuối năm	(12.009.456.947)	(9.760.007.595)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	58.490.722.600	58.490.722.600	(104.086.764)	68.490.722.600	68.490.722.600	(537.053.253)
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức ⁽¹⁾	38.100.000.000	38.100.000.000	-	38.100.000.000	38.100.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư ⁽²⁾	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC ⁽³⁾	-	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duyệt Trung ⁽⁴⁾	2.960.722.600	2.960.722.600	-	2.960.722.600	2.960.722.600	-
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt ⁽⁵⁾	2.430.000.000	2.325.913.236	(104.086.764)	2.430.000.000	1.892.946.747	(537.053.253)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Công ty TNHH Ba tháng hai	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	58.580.722.600	58.476.635.836	(104.086.764)	68.580.722.600	68.043.669.347	(537.053.253)

(1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410206593 ngày 22/12/2008 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức với vốn điều lệ là 36.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 38.100.000.000 đồng, tương ứng năm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 38.100.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

(2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309936059 ngày 22/04/2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV ba mươi tháng tư với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 15.000.000.000 đồng, tương ứng năm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 15.000.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

(3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311530183 ngày 09/02/2012 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.000.000.000 đồng, tương ứng năm giữ 100% vốn điều lệ (số đầu năm là 10.000.000.000 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701877644 ngày 30/05/2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.960.722.600 đồng, tương ứng năm giữ 70,9% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.960.722.600 đồng, tương ứng 100% vốn điều lệ).
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311346480 ngày 20/05/2013 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.430.000.000 đồng, tương ứng năm giữ 83,33% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.430.000.000 đồng, tương ứng 83,33% vốn điều lệ).
- (*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 32/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 11 năm 2014, Hội đồng quản trị quyết nghị kế hoạch năm 2015, cơ cấu tổ chức giải thể Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xăng dầu Bảo Duy Trung. Sau khi giải thể thì các công ty con này sẽ tiếp tục hoạt động dưới hình thức là chi nhánh của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức. Hiện các Công ty này chưa được giải thể.
- (**) Như đã thuyết minh ở mục I.6, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT và Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(537.053.253)	(923.638.129)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	432.966.489	386.584.876
Số cuối năm	(104.086.764)	(537.053.253)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức		
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức bán hàng	16.723.427.052	82.074.878.538
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ	60.450.000	211.418.182
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức mua hàng	418.727.739	-
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức mua dịch vụ	490.082.841	-
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức được chia	333.315.496	1.102.936.832
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư		
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ	2.030.843.189	1.939.714.518
Công ty CP TM.XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức được chia	1.846.674.866	2.498.496.839

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC (*)		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng	138.930.840.365	91.400.673.341
Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ	1.437.256.514	1.338.343.993
Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	115.796.389.070	65.569.850.606
Công ty CP TM XNK Thủ Đức ghi nhận cổ tức được chia	8.239.500.683	7.716.584.309
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ	833.651.675	826.636.159

(*) Như đã thuyết minh ở mục I.6, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT và Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức. Công ty này đã sáp nhập số liệu vào Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức. Số liệu nhận bán giao bao gồm:

	Số tiền
Tài sản ngắn hạn	51.035.875.223
Tài sản dài hạn	249.817.336
Tổng tài sản	51.285.692.559
Nợ phải trả	41.285.692.559
Vốn chủ sở hữu	10.000.000.000
Tổng nguồn vốn	51.285.692.559

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	10.174.399.833
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC	-	10.174.399.833
Phải thu các khách hàng khác	8.715.177.943	6.716.565.848
Cộng	8.715.177.943	16.890.965.681

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.980.677.213	6.774.242.188
Cộng	2.980.677.213	6.774.242.188

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	3.234.640.521	-
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC – cổ tức được chia	-	-	2.463.921.731	-
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư – cổ tức được chia	-	-	507.271.811	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức – cổ tức được chia	-	-	251.147.379	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duyệt Trung	-	-	12.299.600	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	501.847.407	-	505.409.401	-
Cộng	501.847.407	-	3.740.049.922	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	191.645.619	-	565.168.740	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Hàng hóa ^(*)	44.031.323.565	(160.748.212)	27.838.722.758	-
Cộng	44.222.969.184	(160.748.212)	28.403.891.498	-

^(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu và xe máy.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	55.200.000	63.137.000
Cộng	55.200.000	63.137.000

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	923.863.769	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	14.800.997	50.323.337
Cộng	938.664.766	50.323.337

8. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	684.301.025	721.626.545
Cộng	684.301.025	721.626.545

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

⁽¹⁾ Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận tổng lợi ích đã ghi nhận trong năm là 2.103.449.995 đồng.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.104.001.530	16.309.890.554	9.433.267.843	359.926.294	79.207.086.221
Tăng trong năm	5.648.082.386	2.874.907.818	5.718.153.455	191.400.000	14.432.543.659
- Mua trong năm	-	806.067.636	2.061.090.909	191.400.000	3.058.558.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	5.648.082.386	1.790.000.182	3.657.062.546	-	11.095.145.114
- Tăng khác	-	278.840.000	-	-	278.840.000
Giảm khác	-	-	372.000.000	-	372.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	372.000.000	-	372.000.000
Số cuối năm	58.752.083.916	19.184.798.372	14.779.421.298	551.326.294	93.267.629.880
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.870.303.808	9.651.597.981	6.516.878.151	269.168.715	39.307.948.655
Tăng trong năm	3.861.126.658	2.335.828.015	1.413.366.669	52.482.822	7.662.804.164
- Khấu hao trong năm	3.861.126.658	2.306.805.351	1.413.366.669	52.482.822	7.633.781.500
- Tăng khác	-	29.022.664	-	-	29.022.664
Giảm trong năm	-	-	372.000.000	-	372.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	372.000.000	-	372.000.000
Số cuối năm	26.731.430.466	11.987.425.996	7.558.244.820	321.651.537	46.598.752.819
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	30.233.697.722	6.658.292.573	2.916.389.692	90.757.579	39.899.137.566
Số cuối năm	32.020.653.450	7.197.372.376	7.221.176.478	229.674.757	46.668.877.061

Trong đó: Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.370.262.838 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu đài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.573.125.036	42.780.692.167	298.620.000	59.652.437.203
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>16.573.125.036</u>	<u>42.780.692.167</u>	<u>298.620.000</u>	<u>59.652.437.203</u>
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	5.124.417.313	140.913.332	5.265.330.645
Tăng trong năm	-	1.219.614.372	59.139.996	1.278.754.368
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>6.344.031.685</u>	<u>200.053.328</u>	<u>6.544.085.013</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>16.573.125.036</u>	<u>37.656.274.854</u>	<u>157.706.668</u>	<u>54.387.106.558</u>
Số cuối năm	<u>16.573.125.036</u>	<u>36.436.660.482</u>	<u>98.566.672</u>	<u>53.108.352.190</u>

Trong đó: Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 121.200.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

11. Bất động sản đầu tư**11a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	32.608.661.486	32.608.661.486
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	32.608.661.486	32.608.661.486
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	5.820.292.751	5.820.292.751
Tăng trong năm	1.345.833.252	1.345.833.252
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	7.166.126.003	7.166.126.003
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	26.788.368.735	26.788.368.735
Số cuối năm	25.442.535.483	25.442.535.483

Trong đó: Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê là 976.409.097 đồng.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm điện máy 30/4	18.966.327.281	3.034.612.368	15.931.714.913
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	2.754.318.308	9.397.085.918
- Kho 60/6 Trường Tre	924.571.597	924.571.597	-
- Nhà kho – Trung tâm điện máy 30/4	461.115.262	368.891.195	92.224.067
- Cửa hàng trưng bày Dương Văn Cam	53.405.620	31.895.035	21.510.585
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	32.608.661.486	7.166.126.003	25.442.535.483

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	234.929.636	12.307.806.910	5.542.736.546	7.000.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	4.127.446.160	9.962.623.391	9.977.326.068	4.112.743.483
- Chung cư 27 Đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức	1.624.353.483	-	-	1.624.353.483
- Cải tạo, sửa chữa CHXD 18	-	467.266.037	467.266.037	-
- Công trình CHXD 15	-	1.818.181.818	-	1.818.181.818
- Nâng nền sân bãi CHXD số 2	-	730.181.818	730.181.818	-
- Sửa chữa trạm xăng dầu số 12	-	670.208.182	-	670.208.182
- Sửa chữa trạm xăng dầu số 9	-	705.604.898	705.604.898	-
- Cải tạo 746 Kha Vạn Cân	2.503.092.677	5.571.180.638	8.074.273.315	-
Cộng	4.362.375.796	22.270.430.301	15.520.062.614	11.112.743.483

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	42.623.326.000	23.729.024.236
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	28.497.140.000	-
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	13.983.050.000	10.553.708.424
- Công ty CP địa ốc 9	143.136.000	143.136.000
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC	-	13.032.179.812
Phải trả các nhà cung cấp khác	3.459.604.386	6.644.525.832
- Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức	2.310.000.000	-
- Công ty Honda Việt Nam	541.621.103	714.275.194
- Công ty TNHH Thép Vinakyoel	-	5.096.570.050
- Các nhà cung cấp khác	464.847.283	833.680.588
Cộng	45.939.794.386	30.373.550.068

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	5.497.567.282
Công ty TNHH MTV TMDV Song Đức	-	5.497.567.282
Trả trước của các khách hàng khác	2.383.894.373	409.249.468
- Công ty TNHH MTV Lục Kim Quân	316.680.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Mai Linh	107.705.190	-
- Các khách hàng khác	1.959.509.183	409.249.468
Cộng	2.383.894.373	5.906.816.750

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.614.426	-	5.544.098.529	(4.289.127.369)	1.260.585.586	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	654.301.948	-	4.294.448.439	(4.049.173.557)	899.576.830	-
- Thuế thu nhập cá nhân	117.947.930	-	798.322.760	(783.673.770)	132.596.920	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	820.036.200	-	1.823.222.089	(2.643.258.289)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	22.000.000	(22.000.000)	-	-
Cộng	1.597.900.504	-	12.482.091.817	(11.787.232.985)	2.292.759.336	

15a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

15b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.854.666.561	24.693.629.834
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	473.200.210	2.519.087.391
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	473.200.210	2.519.087.391
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.807.647.495)	(13.061.263.530)
+ Cổ tức nhận được	(11.807.647.495)	(13.061.263.530)
Thu nhập chịu thuế	19.520.219.276	14.151.453.695
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	19.520.219.276	14.151.453.695
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	4.294.448.439	3.113.320.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.294.448.439	3.113.320.475

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. Phải trả người lao động

Công ty đã thực hiện trích lương theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 14/07/2015. Chi tiết:

	Số tiền
Quỹ lương cho người lao động	38.573.108.676
Quỹ lương cho viên chức quản lý	3.762.000.000
Cộng	42.335.108.676

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>19.489.508.289</i>	<i>1.990.000.000</i>
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	1.612.633.673	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	8.503.238.252	490.000.000
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (*)	9.373.636.364	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>5.716.756.298</i>	<i>2.833.333.018</i>
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	651.991	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.524.427.066	2.449.238.121
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.033.859.395	281.510.541
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	157.817.846	102.584.356
Cộng	25.206.264.587	4.823.333.018

(*) Là khoản phải trả tiền hàng xăng dầu mượn.

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư – phải trả tiền nhận ký quỹ dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.271.349.486</i>	<i>771.349.486</i>
- Phải trả bên liên doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú ⁽¹⁾	2.200.000.000	700.000.000
- Phải trả bên liên doanh trạm xăng dầu Long Bình ⁽²⁾	71.349.486	71.349.486
Cộng	12.271.349.486	10.771.349.486

⁽¹⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho ông Đoàn Vĩnh Nam, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền là 50%.

⁽²⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.576.911.714</i>	<i>2.576.911.714</i>	<i>10.229.484.014</i>	<i>10.229.484.014</i>
- Vay của các cá nhân	2.576.911.714	2.576.911.714	10.229.484.014	10.229.484.014
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>24.908.430.000</i>	<i>24.908.430.000</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đồng Sài Gòn	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đồng Sài Gòn	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt – CN Sài Gòn	-	-	4.908.430.000	4.908.430.000
Cộng	2.576.911.714	2.576.911.714	35.137.914.014	35.137.914.014

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	phát sinh trong năm		
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.908.430.000	446.572.741.370	(471.481.171.370)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.229.484.014	2.571.992.135	(10.224.564.435)	2.576.911.714
Cộng	35.137.914.014	449.144.733.505	(481.705.735.805)	2.576.911.714

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			Chỉ quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng khác			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431.919.139	1.652.336.802	35.080.000	(1.631.370.175)	487.965.766
Cộng	431.919.139	1.652.336.802	35.080.000	(1.631.370.175)	487.965.766

20. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.899.736.502</i>	<i>10.627.272.745</i>
- Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	7.899.736.502	10.627.272.745
Cộng	7.899.736.502	10.627.272.745

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thưởng	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thưởng	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.057.300.000	50,85	63.057.300.000	50,85
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.471.100.000	34,25	42.471.100.000	34,25
Cộng	124.000.000.000	100	124.000.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
Cộng	124.000.000.000	124.000.000.000	-

21c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.880.000.000	17.360.000.000

21d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

21e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

21f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2014 ngày 28/03/2015 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	4.960.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	:	3.142.702.254
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	1.652.336.802
• Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	:	268.600.000
Cộng		10.023.639.056

Ngoài ra, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của năm 2015 như sau:

• Chia cho bên liên doanh	:	2.324.618.889
• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	9.920.000.000
Cộng		12.244.618.889

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**22a. Tài sản nhận giữ hộ**

- Hàng hoá nhận giữ hộ cuối năm:
Xăng A92: 200.654 lít.
Xăng A95: 15.857 lít.
Xăng E5: 39.797 lít.
Dầu DO 0,05%: 165.465 lít.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	1.624.807.356.486	1.303.703.652.967
+ Doanh thu bán xăng dầu	1.474.618.981.276	1.139.634.125.126
+ Doanh thu bán xe máy	116.091.839.477	112.465.316.775
+ Doanh thu bán sắt thép và bách hóa	33.810.784.175	51.369.761.558
+ Doanh thu bán gas	285.751.558	234.449.508
- Doanh thu dịch vụ	2.390.270.559	-
+ Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	2.390.270.559	-
- Doanh thu cho thuê mặt bằng, bất động sản và khác	10.540.218.931	11.214.631.335
Cộng	1.637.737.845.976	1.314.918.284.302

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.533.551.740.490	1.258.371.013.061
+ Giá vốn bán xăng dầu	1.397.973.808.909	1.104.920.887.517
+ Giá vốn bán xe máy	103.418.252.877	103.297.707.253
+ Giá vốn bán sắt thép và bách hóa	31.877.358.765	49.932.881.930
+ Giá vốn bán gas	282.319.939	219.536.361
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	213.380.000	-
+ Giá vốn dịch vụ tiệc cưới	213.380.000	-
- Giá vốn cho thuê mặt bằng, khấu hao bất động sản đầu tư, và khác	2.678.069.352	2.748.788.982
Cộng	1.536.443.189.842	1.261.119.802.043

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	186.357.992	63.294.998
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.807.647.495	13.061.263.530
- Doanh thu tài chính khác	2.549.911.278	2.376.392.747
Cộng	14.543.916.765	15.500.951.275

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.502.759.862	2.072.169.792
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.381.263.823	4.041.685.041
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(432.966.489)	(386.584.876)
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	(131.814.471)	(294.013.102)
- Chi phí tài chính khác	595.901.777	419.266.577
Cộng	3.915.144.502	5.852.523.432

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	29.053.290.901	17.399.016.907
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.134.905.270	2.430.319.482
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.866.176.031	1.033.127.439
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.121.709.824	5.821.674.236
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.242.876.583	4.706.502.924
- Các chi phí khác	3.022.568.977	1.502.975.090
Cộng	55.441.527.586	32.893.616.078

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.567.106.077	10.043.030.887
Chi phí vật liệu quản lý	101.005.962	274.629.205
Chi phí đồ dùng văn phòng	527.897.349	658.995.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	458.589.944	640.370.672
Thuế, phí và lệ phí	2.020.202.534	3.388.443.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.232.730.839	3.587.794.816
Các chi phí khác	1.726.245.377	1.164.047.530
Cộng	25.633.778.082	19.757.312.143

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	150.000.000	9.859.736.827
+ Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	150.000.000	21.449.524.546
+ Chi phí liên quan, giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư nhượng bán	-	(11.589.787.719)
- Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	45.454.545	-
- Thu nhập khác	278.695.806	4.040.255.275
Cộng	474.150.351	13.899.992.102

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí liên quan đến thanh lý công cụ dụng cụ	156.000.000	-
- Chi phí khác	311.606.519	2.344.149
Cộng	467.606.519	2.344.149

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.629.984.612	4.114.744.351
- Chi phí nhân công	44.574.062.959	27.076.943.719
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.258.369.120	6.462.046.908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.542.143.975	13.662.492.489
- Chi phí khác	4.748.814.354	1.334.700.754
Cộng	83.753.375.020	52.650.928.221

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức vì đây là Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	446.572.741.370	727.319.130.000
Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	2.571.992.135	6.079.642.255
Cộng	449.144.733.505	733.398.772.255

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường tại các ngân hàng	(471.481.171.370)	(741.410.700.000)
Tiền trả nợ vay của các cá nhân	(10.224.564.435)	(9.467.040.000)
Cộng	(481.705.735.805)	(750.877.740.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Lương	3.557.533.500	1.818.495.000
Thưởng	157.892.000	34.440.000
Thù lao và khác	251.152.000	194.718.000
Cộng	3.966.577.500	2.047.653.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con)
- Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con)
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC ^(*)	Là công ty con (Công ty chiếm 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung	vốn điều lệ công ty con) Là công ty con (Công ty chiếm 100% vốn điều lệ công ty con)
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	Là công ty con (chiếm 83,33% vốn điều lệ công ty con)
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	Là công ty mẹ (chiếm 50,85% vốn điều lệ của Công ty)
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ) của Công ty)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

(*) Như đã thuyết minh ở mục 1.6, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC đã giải thể theo Quyết định số 17/QĐ-HĐQT và Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 23 tháng 07 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức.

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết (đây là các công ty trong cùng tập đoàn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và là những cổ đông của của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức) như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SG PETRO) Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	484.214.709.083	-
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro) Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	768.394.903.635	1.015.356.144.794

3. Báo cáo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Báo cáo bộ phận*- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**Năm nay*

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.474.618.981.276	1.397.973.808.909	76.645.172.367	5,20%
Xe máy	116.091.839.477	103.418.252.877	12.673.586.600	10,92%
Sắt thép và bách hóa	33.810.784.175	31.877.358.765	1.933.425.410	5,72%
Gas	285.751.558	282.319.939	3.431.619	1,20%
Dịch vụ tiệc cưới	2.390.270.559	213.380.000	2.176.890.559	91,07%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	10.540.218.931	2.678.069.352	7.862.149.579	74,59%
Cộng	1.637.737.845.976	1.536.443.189.842	101.294.656.134	6,19%

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Xăng dầu	1.139.634.125.126	1.104.920.887.517	34.713.237.609	3,05%
Xe máy	112.465.316.775	103.297.707.253	9.167.609.522	8,15%
Sắt thép và bách hóa	51.369.761.558	49.932.881.930	1.436.879.628	2,80%
Gas	234.449.508	219.536.361	14.913.147	6,36%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	11.214.631.335	2.748.788.982	8.465.842.353	75,49%
Cộng	1.314.918.284.302	1.261.119.802.043	53.798.482.259	4,09%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh**4a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

Chi tiêu	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Bảng cân đối kế toán				
Tài sản				
A. Tài sản ngắn hạn		8,995,405,961	29,029,323,920	20,033,917,959
Chứng khoán kinh doanh	121	11,481,666,342	35,011,267,792	23,529,601,450
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(6,264,324,104)	(9,760,007,595)	(3,495,683,491)
Phải thu ngắn hạn khác	136	3,592,063,723	3,740,049,922	147,986,199
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	38,013,801	38,013,801
Tài sản ngắn hạn khác	155	186,000,000	-	(186,000,000)
B. Tài sản dài hạn		20,308,491,251	274,573,292	(20,033,917,959)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24,341,227,995	90,000,000	(24,251,227,995)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(4,032,736,744)	(537,053,253)	3,495,683,491
Tài sản dài hạn khác	268	-	721,626,545	721,626,545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		29,303,897,212	29,303,897,212	-
Nguồn vốn				
A. Vốn chủ sở hữu		13,017,867,175	13,017,867,175	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5,239,716,448	13,017,867,175	7,778,150,727
Quỹ dự phòng tài chính		7,778,150,727	-	(7,778,150,727)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		13,017,867,175	13,017,867,175	-

Chi tiêu	Mã số	Số năm trước trên báo cáo năm trước	Số năm trước trình bày lại trên báo cáo năm nay	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Bảng kết quả kinh doanh				
Thu nhập khác	31	25,489,779,821	13,899,992,102	(11,589,787,719)
Chi phí khác	32	11,592,131,868	2,344,149	(11,589,787,719)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IX. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	34,76	32,01
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	65,24	67,99
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	37,86	37,11
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	62,14	62,89
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,08
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,74
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,27	0,12
3. Tỷ suất sinh lợi			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	6,19	4,09
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,62	1,64
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	558,21	427,71
- Tỷ suất sinh lợi trên tài sản	%	9,05	1,75
- Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu	%	14,48	12,09

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ DỨC

234 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÍNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	27.458.121.096	11.620.565.615	14.296.456.563	177.375.143.274
2. Tăng trong năm trước	-	-	1.397.301.560	21.580.309.359	22.977.610.919
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	21.580.309.359	21.580.309.359
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	1.397.301.560	-	1.397.301.560
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	20.690.749.031	20.690.749.031
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.397.301.560	1.397.301.560
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.088.311.879	1.088.311.879
- Chia cổ tức	-	-	-	17.360.000.000	17.360.000.000
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	447.552.374	447.552.374
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	397.583.218	397.583.218
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	13.017.867.175	15.186.016.891	179.662.005.162
5. Tăng trong năm nay	-	-	3.142.702.254	26.560.218.122	29.702.920.376
- Lãi trong năm	-	-	-	26.560.218.122	26.560.218.122
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.142.702.254	-	3.142.702.254
6. Giảm trong năm nay	-	-	-	22.268.257.945	22.268.257.945
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.142.702.254	3.142.702.254
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.652.336.802	1.652.336.802
- Chia cổ tức	-	-	-	14.880.000.000	14.880.000.000
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	268.600.000	268.600.000
- Chưa lợi nhuận cho bên liên doanh (*)	-	-	-	2.324.618.889	2.324.618.889
7. Số dư cuối năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	16.160.569.429	19.477.977.068	187.096.667.593

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

(*) Là cơ sở chia lợi nhuận cho các bên liên doanh theo kinh thức tài sản đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới)

Chi tiết gốc:

- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền (1)	1.821.502.361
- Ông Đoàn Văn Nam (1)	219.562.973
- Bà Nguyễn Thị Nghiệp (2)	283.553.555
Cộng	2.324.618.889

(1) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 252/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014 với ông Đoàn Văn Nam và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền, về việc liên doanh kinh doanh hoạt động sản xuất và phân phối hàng hóa. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Tui Đức theo dõi và hạch toán. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và của ông Đoàn Văn Nam, Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sóng Tiền là 50%

(2) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 13/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2020 với bà Nguyễn Thị Nghiệp, về việc liên doanh kinh doanh hoạt động sản xuất và phân phối hàng hóa. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức theo dõi và hạch toán. Tỷ lệ phân chia kết quả sau thuế TNDN như sau: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Tui Đức hưởng 71,5% và bà Nguyễn Thị Nghiệp hưởng 28,5%.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2022.



Giám đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN